

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2018/HNGĐ-ST;
Ngày: 04/5/2018;
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đặng Phước Lung;

2/ Ông Nguyễn Văn Giang;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà Lý Nguyễn Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXX-ST ngày 30/03/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Anh Mai Huy A** – sinh năm: 1985;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Chị Lê Thị B** - sinh năm: 1987;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(Anh A có mặt, chị B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 10/01/2018, nguyên đơn anh Mai Huy A trình bày:

Anh và chị Lê Thị B cưới nhau vào năm 2007, do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào năm 2007. Cuộc sống chung của vợ chồng anh rất hạnh phúc nhưng đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về cách sống, cách nghĩ. Vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 02/2011. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị B.

Về con chung: Có một con chung, cháu tên Mai Gia C, sinh ngày 18/02/2010. Hiện cháu C đang sống chung với chị B. Khi ly hôn anh đồng ý để cháu C cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, anh không có tranh chấp.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Lê Thị B vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và chị B không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung xét thấy việc mâu thuẫn giữa anh A và chị B là có thật, thời gian ly thân đã kéo dài, Tòa án đã triệu tập chị B nhiều lần nhưng chị B đều vắng mặt, qua đó cho thấy chị B không muốn hàn gắn tình cảm với anh A nên yêu cầu của anh A là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Mai Huy A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị B, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Chị Lê Thị B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A, Tòa xét thấy: Tại phiên tòa anh A trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ và thường xuyên cự cãi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ tháng 02/2011 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập chị B nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng chị B vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A, qua đó cho thấy chị B không có thành ý cứu vãn mối quan hệ hôn nhân với anh A. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của anh A, cho anh A được ly hôn với chị B.

[4] Về con chung: Anh chị có một con chung, cháu tên Mai Gia C, hiện đang sống chung với chị B. Anh A đồng ý để chị B tiếp tục nuôi cháu C, anh không tranh chấp về con chung nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Anh A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Huy A.

Anh Mai Huy A được ly hôn với chị Lê Thị B.

2. Án phí: Anh Mai Huy A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 36212 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, như vậy anh A đã thi hành xong.

3. Anh Mai Huy A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Chị Lê Thị B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

(đã ký và đóng dấu)

Cao Thị Thu Thủy